

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2009

Mẫu số B 02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2009 VND	6 tháng đầu năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	405.234.999.181	473.624.087.648
2. Các khoản giảm trừ	02		-	1.614.200.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	19	405.234.999.181	472.009.887.148
4. Giá vốn hàng bán	11	20	379.447.067.356	448.367.553.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<u>25.787.931.825</u>	<u>23.642.333.629</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.850.475.774	3.034.690.491
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	3.608.724.098	5.337.256.639
Trong đó: Lãi vay	23		2.235.905.972	5.325.176.389
8. Chi phí bán hàng	24		16.881.501.579	14.648.360.349
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.694.065.806	5.427.589.493
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.454.116.116</u>	<u>1.263.817.639</u>
11. Thu nhập khác	31	23	8.536.793.733	5.385.115.072
12. Chi phí khác	32	24	3.019.117.275	125.511.877
13. Lợi nhuận khác	40		<u>5.517.676.458</u>	<u>5.259.603.195</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	<u>6.971.792.574</u>	<u>6.523.420.834</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.087.614.275	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	<u>4.884.178.299</u>	<u>6.523.420.834</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		493	659



Giám đốc

Phan Duy Diễn

Phan Duy Diễn
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 8 năm 2009

Kế toán trưởng

mbmk

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

ngm